TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MỎ CÀY BẮC** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HS-ST
Ngày: 15-4-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC TỈNH BẾN TRE

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Cao Thanh Minh

***- Các Hội thẩm nhân dân*:**

1. Ông Đoàn Văn Vui

2. Bà Đỗ Thị Thuý Diễm

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Thạch Thiện – Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 09/2025/TLST-HS ngày 13 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2025/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 3 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Mai Thành Đ, sinh năm 1994. Tên gọi khác: M1. Nơi cư trú: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: lớp 9/12; Giới tính: nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; con ông Mai Văn Bé T, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị Thu B, sinh năm 1968. Bị cáo sống chung như vợ chồng với Trần Thị Bích N, sinh năm 1992 có 01 người con sinh năm 2021.

Tiền án và tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Ngày 14/3/2014 bị Tòa án nhân dân Quận Gò Vấp, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm tù về tội *"Cướp tài sản"* theo Bản án số 64/2014/HSST (chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 24/4/2018).

- Ngày 02/5/2024 bị Công an huyện M xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số 60/QĐ-XPHC (đã nộp phạt).

Bị cáo Mai Thành Đ đang bị tạm giam từ ngày 10/01/2025 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại Tòa.

2. Võ Thị Diễm T1, sinh năm 1989. Tên gọi khác: không. Nơi cư trú số: Ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: lớp 9/12; Giới tính: nữ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; con ông Võ Văn Á, sinh năm 1965 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1967. Chồng: Nguyễn Trung H, sinh năm 1991. Bị can có 02 người con, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2020.

Tiền án và tiền sự: Không.

Về nhân thân: Ngày 02/5/2024 bị Công an huyện M xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số 58/QĐ-XPHC (đã nộp phạt).

Bị cáo Võ Thị Diễm T1 bị tạm giam từ ngày 25/12/2024 sau đó đến ngày 08/01/2025 thì bị cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay.

Bị cáo tại ngoại có mặt tại Tòa.

3. Nguyễn Thanh T2, sinh năm 1993. Tên gọi khác: không. Nơi cư trú số: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: lớp10/12; Giới tính: nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị N1, sinh năm 1967. Bị cáo chưa có vợ.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 30/01/2024 bị Công an xã T, huyện M xử phạt hành chính số tiền 1.750.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số 10/QĐ-XPHC (đã nộp phạt).

Bị cáo Nguyễn Thanh T2 bị tạm giam từ ngày 25/12/2024 cho đến nay.

4. Nguyễn Thị V, sinh năm 1975. Tên gọi khác: không. Nơi cư trú số: Khu phố P, thị tấn Phước M, huyện M, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: lớp 6/12; Giới tính: nữ; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn P, sinh năm 1937 (chết) và bà Mai Thị Á1, sinh năm 1938. Chồng: Phan Văn T3, sinh năm 1976. Bị cáo có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1995, nhỏ nhất sinh năm 2003.

Tiền án và tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 02/5/2024 bị Công an huyện M xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số 57/QĐ-XPHC (đã nộp phạt).

Bị cáo Nguyễn Thị V bị tạm giam từ ngày 06/8/2024 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại Tòa.

5. Nguyễn Thái T4, sinh năm 1999. Tên gọi khác: không. Nơi cư trú số: Ấp B, xã A, huyện M, tỉnh Bến Tre. ; Nghề nghiệp: làm thuê; Trình độ học vấn: lớp12/12; Giới tính: nam; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: không; con ông Nguyễn Văn S, sinh năm 1970.và bà Huỳnh Thị Ngọc N2, sinh năm 1975. Bị cáo chưa có vợ.

Tiền án và tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 04/7/2024 bị Công an xã T, huyện M xử phạt hành chính số tiền 1.500.000 đồng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy theo Quyết định số 07/QĐ-XPHC (đã nộp phạt).

Bị cáo Nguyễn Thái T4 bị tạm giam từ ngày 06/02/2025 cho đến nay.

Bị cáo có mặt tại Tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Trần Thị Bích N, sinh năm 1992; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

2. Phạm Hoàng Â, sinh năm 1990; (vắng mặt)

Địa chỉ: khu phố P, thị trấn P, huyện M, tỉnh Bến Tre.

3. Nguyễn Quốc Đ1, sinh năm 1997; (có mặt)

Địa chỉ: ấp H, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

4. Võ Văn Á, sinh năm 1965; (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

5. Nguyễn Thị M, sinh năm 1967; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã H, huyện M, tỉnh Bến Tre.

6. Nguyễn Trung H, sinh năm 1991; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

7. Nguyễn Thị Thanh T5, sinh năm 1968; (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

Người làm chứng: Nguyễn Văn Bé T6, sinh năm 1968; (có mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 4/2024, Mai Thành Đ đến quán cà phê *"Thanh Tuyền"* thuộc ấp Đ, xã T, huyện M uống nước. Khi đến quán, Đ điện thoại cho nam thanh niên (không rõ nhân thân) mua 200.000 đồng ma túy đá và nỏ thuỷ tinh. Đ nhặt chai nhựa trong sọt rác khoét 02 lổ nhỏ trên nắp chai gắn ống hút, nỏ thuỷ tinh và bỏ ma tuý vào nỏ. Sau đó, Đ điện thoại cho Nguyễn Thanh T2 đến sử dụng trái phép chất ma tuý cho đến hết ma túy và Đ vứt bộ dụng cụ sử dụng ma túy vào sọt rác; rồi cả hai ra về. Tại đây, T2 giới thiệu Nguyễn Quốc Đ1, sinh năm 1997, cư trú: ấp H, xã Đ, huyện M cho Đ để xăm hình và sau đó Đ có xăm hình cho Đ1 tại xã Đ, huyện M. Đ1 giới thiệu Võ Thị Diễm T1 cho Đ xăm hình. Đến khoảng 22 giờ ngày 08/4/2024, Đ rủ T2 đi đến nhà T1 tại ấp T, xã H, huyện M để xăm hình. Trước khi Đ đến nhà, T1 có lấy bộ dụng cụ sử dụng có ma tuý trong nỏ thuỷ tinh (do Nguyễn Trung H, sinh năm 1991, cư trú: ấp A, xã Đ, huyện M bỏ lại sau khi không còn sống chung với T1) ra sử dụng trước để giảm đau khi xăm hình. Trong lúc xăm hình, T1 lấy bộ dụng cụ sử dụng có ma tuý trong nỏ thuỷ tinh ra cùng với Đ, T2 sử dụng. Đến khoảng 06 giờ ngày 09/4/2024, bà Nguyễn Thị M (mẹ ruột T1) phát hiện T1 xăm hình nên la rầy. T1 kêu Đ, T2 đến phòng trọ của Nguyễn Thị V để tiếp tục xăm. Đ dọn đồ nghề để vào trong túi xách, T2 lấy dụng cụ sử dụng ma tuý (còn ma tuý trong nỏ thuỷ tinh) để vào túi xách của Đ (Đ đồng ý cho T2 để vào túi xách) để mang theo tiếp tục sử dụng (có sự đồng ý của T1). Đ điều khiển xe mô tô chở T2, T1 được ông Võ Văn Á (cha ruột) chở đến phòng trọ V thuộc nhà trọ H2 tại khu phố P, thị trấn P, huyện M. Khoảng 08 giờ cùng ngày, khi đến phòng trọ số 02 của V do ông Á và ông Nguyễn Văn Bé T6 (bạn trai V) chuẩn bị nhậu nên V dẫn qua phòng trọ số 03 (không ai ở) để Đ xăm hình cho T1. Đ dọn đồ nghề xăm, T2 lấy bộ dụng cụ sử dụng ma tuý ra để trên nền phòng sử dụng cùng với Đ, T1. V từ phòng 02 sang thấy có bộ dụng cụ sử dụng ma tuý nên cũng sử dụng. Sau đó phòng số 02 nghỉ nhậu, ông Á về nên V kêu T1, Đ, T2 qua phòng số 02 để xăm hình cho T1. Cả 03 qua phòng số 02, T2 tiếp tục lấy dụng cụ sử dụng ma tuý qua phòng số 02; tại đây Đức, T1, V tiếp tục sử dụng ma tuý. Đến chiều cùng ngày, Đ và T2 đi về; T1 ngủ lại với V (bộ D1 sử dụng ma tuý còn ma túy trong nỏ để tại phòng Vui).

Đến khoảng 20 giờ ngày 10/4/2024, Đ và Trần Thị Bích N, sinh năm 1992 (vợ Đ) đến phòng số 02 để tiếp tục xăm hình cho T1. Khi đến nơi, Đ quên máy xăm đi về nhà lấy và gặp T2 nên rủ T2 đến phòng số 02. Trong quá trình xăm, Đ, T1, T2, N, V tiếp tục sử dụng ma tuý từ dụng cụ T2 để lại. Khoảng 01 giờ ngày 11/4/2024, Đ1 cùng Nguyễn Thái T4 đến phòng số 02. Khi đến nơi, T4 thấy bộ dụng cụ sử dụng ma tuý nên lấy sử dụng. Thấy ma tuý trong nỏ thủy tinh hết, T4 lấy gói ma tuý mang theo (mua trước đó của nam thanh niên không rõ nhân thân) bỏ một ít vào trong nỏ

để cho T4, Đ, V, N, T1, T2 sử dụng (sử dụng không hết ma túy). Đến rạng sáng cùng ngày, T2 về trước và sau đó Đ1 và T4 ra về (phần ma túy còn lại trong gói nylon T4 để lại phòng V); Đ ngừng xăm cho T1 và Đ sử dụng ma túy cùng với V, N. Sử dụng ma túy xong, Đ tiếp tục xăm hình cho V. Đến khoảng 08 giờ 10 phút cùng ngày, Công an thị trấn P, huyện M đến kiểm tra phát hiện lập biên bản phạm tội quả tang.

**** Vật chứng***

- 01 gói nylon màu đen được hàn kín ba phía, phía còn lại có rãnh khép kích thước 2,7x02cm bên trong chứa tinh thể màu trắng nghi ma túy được niêm phong trong phong bì ký hiệu M có chữ ký, họ tên của Lê Minh T7, Võ Hoài V1, Phạm Hoàng Â, Trần Thị Bích N, Mai Thành Đ và hình dấu tròn màu đỏ của Công an thị trấn P, huyện M.

- 01 nỏ thủy tinh dài 16,5cm, có 01 đầu hình tròn, kích thước 1,9cm bên trong có chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy được niêm phong trong phong bì ký hiệu M1 có chữ ký, họ tên của Lê Minh T7, Võ Hoài V1, Phạm Hoàng Â, Trần Thị Bích N, Mai Thành Đ và hình dấu tròn màu đỏ của Công an thị trấn P, huyện M.

- 01 chai nhựa có quấn băng keo màu đen, nắp chai có gắn nỏ thủy tinh và ống hút nhựa màu xanh tím.

- 01 hột quẹt màu đỏ và 01 hột quẹt màu trắng có gắn 01 đầu kim loại màu trắng.

- 03 nỏ thủy tinh màu trắng.

- 01 cây kéo kim loại, cán nhựa màu đỏ.

- 01 điện thoại di động, hiệu SAMSUNG, màu xanh, số IMEI 1: 356446086328114, số IMEI 2: 356447086328112, gắn số sim: 0968794071 được niêm phong trong phong bì ký hiệu ĐT có chữ ký, họ tên của Lê Minh T7, Võ Hoài V1, Phạm Hoàng Â, Trần Thị Bích N và hình dấu tròn màu đỏ của Công an thị trấn P, huyện M.

- 01 đĩa DVD lưu trữ 03 video ghi hình tại thời điểm Công an thị trấn P, huyện M kiểm tra phòng trọ số 02 thuộc nhà trọ H2.

**** Kết luận giám định số 301/2024/KL-KTHS ngày 14/4/2024 của Phòng K Công an tỉnh B kết luận:***

1. Tinh thể màu trắng đựng trong 01 gói nylon màu đen được niêm phong trong phong bì ký hiệu M gửi giám định là chất ma túy, loại: Methamphetamine, khối lượng: 0,0487 gam.

2. Tinh thể màu trắng đựng trong 01 nỏ thủy tinh được niêm phong trong phong bì ký hiệu M1 gửi giám định là chất ma túy, loại: Methamphetamine, khối lượng: 0,0845 gam.

Không hoàn lại tinh thể màu trắng được niêm phong trong phong bì ký hiệu M, M1 sau giám định do đã sử dụng hết trong quá trình giám định.

H1 lại vỏ bao gói và 01 nỏ thủy tinh có 01 đầu hình tròn được niêm phong trong phong bì số 301/2024 có chữ ký ghi tên Nguyễn Ngọc M1, Phan Trung T8, Chiêm M, Mai Thành Đ, Trần Thị Bích N và hình dấu tròn màu đỏ của Phòng K Công an tỉnh B.

Quá trình điều tra, lời khai của Mai Thành Đ, Võ Thị Diễm T1, Nguyễn Thanh T2, Nguyễn Thị V và Nguyễn Thái T4 phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được.

Cáo trạng số: 13/CT-VKSMCB, ngày 13/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đã truy tố bị cáo Mai Thành Đ, Võ Thị Diễm T1, Nguyễn Thanh T2 và Nguyễn Thị V về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Thái T4 về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên giữ quyền công tố luận tội và tranh luận giữ nguyên quan điểm cáo trạng đã truy tố và đề nghị:

Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Mai Thành Đ từ 08 năm đến 09 năm tù.

Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Võ Thị Diễm T1 từ 03 năm đến 04 năm tù.

Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T2 từ 07 năm đến 08 năm tù.

Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị V từ 07 năm đến 08 năm tù.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thái T4 từ 07 năm đến 08 năm tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thái T4 từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng tù.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Thái T4 chấp hành là từ 08 năm đến 09 năm 06 tháng tù.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

Về áp dụng biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 đề nghị xử lý vật chứng hiện đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc theo Quyết định chuyển vật chứng số: 09/QĐ-VKSMCB ngày 13/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc như sau:

Tịch thu tiêu hủy:

- Vỏ bao gói và 01 nỏ thủy tinh có 01 đầu hình tròn được niêm phong trong phong bì ký hiệu N có chữ ký ghi họ tên Chiêm Minh P1, Mai Thành Đ, Trần Thị Bích N, Nguyễn Thị D và hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M.

- 01 chai nhựa có quấn băng keo màu đen, nắp chai có gắn ống hút nhựa màu xanh tím.

- 01 hột quẹt màu đỏ và 01 hột quẹt màu trắng có gắn 01 đầu kim loại màu trắng.

- 03 nỏ thủy tinh màu trắng.

- 01 cây kéo kim loại, cán nhựa màu đỏ.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động, hiệu SAMSUNG, màu xanh, số IMEI 1: 356446086328114, số IMEI 2: 356447086328112, gắn số sim: 0968794071.

Lưu vào hồ sơ vụ án: 01 đĩa DVD lưu trữ 03 video ghi hình tại thời điểm Công an thị trấn P, huyện M kiểm tra phòng trọ số 02 thuộc nhà trọ H2.

Các bị cáo Mai Thành Đ, Võ Thị Diễm T1, Nguyễn Thanh T2, Nguyễn Thị V và Nguyễn Thái T4 khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện giống như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố đối với các bị cáo; thừa nhận hành vi của các bị cáo là vi phạm pháp luật, đồng ý với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Võ Văn Á trình bày: ông là cha ruột của T1, ngày 09/4/2024 khi đi làm về, T1 nhờ ông chở đến nhà trọ H, ông chỉ chở T1 đến đó và cùng nhậu với ông Nguyễn Văn Bé T6 rồi ra về, ông không biết T1 sử dụng ma túy.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Quốc Đ1 trình bày: Do có quen biết với Đ nên giới thiệu cho T1 để xăm hình. Khuya ngày 10/4/2024 do có biết T1

đang xăm hình tại nhà trọ H2 nên cùng với T4 đến nhà trọ để xem, không có sử dụng ma túy chung với T1. Sáng ngày hôm sau ra về trước cùng với T4.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Thị Bích N trình bày: chị là vợ của Đ, ngày 10/4/2024 có cùng với Đ đến nhà trọ Hoàng Â để xăm hình cho T1 và có cùng sử dụng ma túy với Đ tại nhà trọ.

Người làm chứng Nguyễn Văn Bé T6 trình bày: Ông sống cùng phòng trọ với bà V. Ngày 09/4/2024 ông có gặp ông Võ Văn Á tại nhà trọ, có nhậu chung với ông Á vài lon rồi đi làm, không biết sự việc xảy ra tại nhà trọ.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: các bị cáo Mai Thành Đ, Võ Thị Diễm T1, Nguyễn Thanh T2, Nguyễn Thị V và Nguyễn Thái T4 thừa nhận hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, trong thời gian qua bản thân các bị cáo rất hối hận nên mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện M, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa các bị cáo Mai Thành Đ, Võ Thị Diễm T1, Nguyễn Thanh T2, Nguyễn Thị V và Nguyễn Thái T4 thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo; lời khai nhận tội của các bị cáo là hoàn toàn phù hợp với lời khai của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Nhằm mục đích thỏa mãn cơn nghiện nên Mai Thành Đ, Võ Thị Diễm T1, Nguyễn Thanh T2, Nguyễn Thị V và Nguyễn Thái T4 đã có hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy và tàng trữ trái phép chất ma túy như sau:

- Vào đầu tháng 4/2024 tại ấp Đ, xã T, huyện M, Mai Thành Đ đã có hành vi cung cấp ma túy và dụng cụ sử dụng ma túy để cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy với Nguyễn Thanh T2.

- Đêm ngày 08/4/2024 rạng sáng ngày 09/4/2024 tại ấp T, xã H, huyện M, Võ Thị Diễm T1 đã có hành vi cung cấp ma túy, dụng cụ sử dụng ma túy và địa điểm

(phòng ngủ của T1) để cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy với Mai Thành Đ và Nguyễn Thanh T2.

- Khoảng 08 giờ ngày 09/4/2024 tại nhà trọ H2 thuộc khu phố P, thị trấn P, huyện M, Nguyễn Thanh T2, Mai Thành Đ đã có hành vi đem ma túy còn lại trong nỏ thủy tinh và bộ dụng cụ sử dụng ma túy (sử dụng đêm ngày 08/4/2024 rạng sáng ngày 09/4/2024 tại nhà T1), Nguyễn Thị V cung cấp địa điểm phòng trọ số 02 (thuộc quyền sử dụng hợp pháp của V) để cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy với T1, V, T2 và Đ.

- Đêm ngày 10/4/2024 rạng sáng ngày 11/4/2024 tại phòng trọ số B nhà T thuộc khu phố P, thị trấn P, huyện M, Nguyễn Thị V đã có hành vi cung cấp địa điểm phòng trọ số 02; Nguyễn Thái T4 cung cấp ma túy; Võ Thị Diễm T1, Mai Thành Đ và Nguyễn Thanh T2 cung cấp dụng cụ sử dụng ma túy để cùng nhau sử dụng trái phép chất ma túy với T1, V, T4, T2, Đ và Trần Thị Bích N.

Đến khoảng 08 giờ 10 phút cùng ngày, lực lượng Công an vào kiểm tra phát hiện bên trong nỏ thủy tinh và gói nylon màu đen có khối lượng 0,1332 gam ma túy, loại Methamphetamine. Qua làm việc, T4 thừa nhận ma túy trong nỏ thủy tinh và gói nylon màu đen mua đem theo đến phòng trọ số 02 để sử dụng.

Cáo trạng số 13/CT-VKSMCB, ngày 13/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc truy tố bị cáo Mai Thành Đ, Võ Thị Diễm T1, Nguyễn Thanh T2 và Nguyễn Thị V về tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự; Nguyễn Thái T4 về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] "Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Heroine, C, Methamphetamine, Amphetamine, MDMA hoặc XLR-11 có khối lượng từ 0,1 gam đến dưới 05 gam.

Điều 255. Tội tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy

1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

a) Phạm tội 02 lần trở lên;

b) Đối với 02 người trở lên".

[4] Về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo: hành vi của các bị cáo Mai Thành Đ, Võ Thị Diễm T1, Nguyễn Thanh T2, Nguyễn Thị V và Nguyễn Thái T4 mang tính chất rất nghiêm trọng, không những xâm phạm trực tiếp đến sức khỏe của bản thân của các bị cáo mà còn ảnh hưởng đến trật tự trị an tại địa phương, gây bức xúc trong quần chúng nhân dân về tệ nạn xã hội nói chung và tệ nạn ma túy nói riêng. Mặt khác còn xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của nhà nước đối với chất ma túy. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự nên phải gánh chịu trách nhiệm hình sự đối với hậu quả do hành vi của các bị cáo đã trực tiếp gây ra.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự của bị cáo: các bị cáo Mai Thành Đ, Võ Thị Diễm T1, Nguyễn Thanh T2, Nguyễn Thị V và Nguyễn Thái T4 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: các bị cáo Mai Thành Đ, Võ Thị Diễm T1, Nguyễn Thanh T2, Nguyễn Thị V và Nguyễn Thái T4 như sau:

- Bị cáo Mai Thành Đ: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; được Ban C1, Thành phố Hồ Chí Minh tặng giấy khen tham gia xử lý thi hài nạn nhân tử vong do Covid-19; đang nuôi con nhỏ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Bị cáo Võ Thị Diễm T1: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; là phụ nữ có thai; lao động chính trong gia đình và đang nuôi 02 con nhỏ theo quy định tại điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Bị cáo Nguyễn Thanh T2: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có cha ruột Nguyễn Văn L tham gia chiến trường Campuchia theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Bị cáo Nguyễn Thị V: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Bị cáo Nguyễn Thái T4: Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; có ông nội Nguyễn Văn S1 là Thương binh hạng 3/4 theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[7] Về áp dụng hình phạt đối với bị cáo: căn cứ vào tính chất, mức độ hậu quả do hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo Mai Thành Đ, Võ Thị Diễm T1, Nguyễn Thanh T2, Nguyễn Thị V và Nguyễn Thái T4. Hội đồng xét xử xét thấy trong trường hợp nầy các bị cáo thực hiện tội phạm mang tính đồng phạm giản đơn bị cáo Mai Thành Đ là người có nhân thân xấu, đã từng bị xử phạt tù về tội *"Cướp tài sản"* nhưng không biết cải sửa. Vì vậy, cần phải áp dụng một hình phạt nặng hơn các bị cáo khác. Đối với bị cáo Võ Thị Diễm T1, Nguyễn Thanh T2, Nguyễn Thị V và Nguyễn Thái T4 tuy mới phạm tội lần đầu nhưng thuộc trường hợp rất nghiêm trọng nên áp dụng hình phạt tù để cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ sức cải tạo giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội, đồng thời góp phần phòng ngừa chung cho cộng đồng.

Riêng đối với bị cáo Võ Thị Diễm T1 mới phạm tội lần đầu và có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên có căn cứ áp dụng khoản 1 Điều 54 xét xử bị cáo dưới mức án thấp nhất mà điều luật quy định.

[8] Về áp dụng các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 xử lý vật chứng hiện đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc theo Quyết định chuyển vật chứng số: 09/QĐ-VKSMCB ngày 13/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân như sau:

Tịch thu tiêu hủy:

- Vỏ bao gói và 01 nỏ thủy tinh có 01 đầu hình tròn được niêm phong trong phong bì ký hiệu N có chữ ký ghi họ tên Chiêm Minh P1, Mai Thành Đ, Trần Thị Bích N, Nguyễn Thị D và hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M.

- 01 chai nhựa có quấn băng keo màu đen, nắp chai có gắn ống hút nhựa màu xanh tím.

- 01 hột quẹt màu đỏ và 01 hột quẹt màu trắng có gắn 01 đầu kim loại màu trắng.

- 03 nỏ thủy tinh màu trắng.

- 01 cây kéo kim loại, cán nhựa màu đỏ.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động, hiệu SAMSUNG, màu xanh, số IMEI 1: 356446086328114, số IMEI 2: 356447086328112, gắn số sim: 0968794071.

Lưu vào hồ sơ vụ án: 01 đĩa DVD lưu trữ 03 video ghi hình tại thời điểm Công an thị trấn P, huyện M kiểm tra phòng trọ số 02 thuộc nhà trọ H2.

[9] Đối với người bán ma túy cho Nguyễn Trung H, Mai Thành Đ và Nguyễn Thái T4, quá trình điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch nên Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh xử lý sau.

Đối với Trần Thị Bích N là người sử dụng trái phép chất ma túy, không có hành vi cung cấp ma túy hay dụng cụ sử dụng ma túy nên không đồng phạm trong vụ án này.

Đối với việc Võ Thị Diễm T1 lấy ma túy và dụng cụ sử dụng ma túy của Nguyễn Trung H nhưng H không biết và không có yêu cầu T1 lấy sử dụng nên không đồng phạm trọng vụ án này.

Đối với bà Nguyễn Thị Thanh T5, ông Võ Văn Á, bà Nguyễn Thị M và anh Phạm Hoàng Â không biết, không cung cấp địa điểm nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

Đối với Nguyễn Quốc Đ1 không thừa nhận điện thoại và trả tiền mua ma túy, quá trình điều tra không chứng minh được Đ1 có liên quan đến vụ án nên không xem xét trách nhiệm hình sự.

[10] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào Điều 249 và Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tuyên bố các bị cáo:

- Mai Thành Đ, Võ Thị Diễm T1, Nguyễn Thanh T2 và Nguyễn Thị V phạm tội *"Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm a, b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

- Nguyễn Thái T4 phạm tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy"* theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 và điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Mai Thành Đ 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/01/2025.

Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm n, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Võ Thị Diễm T1 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành án và được khấu trừ thời hạn tạm giam tính từ ngày 25/12/2024 đến ngày 08/01/2025.

Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thanh T2 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/12/2024.

Áp dụng điểm a, b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị V 07 (bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/8/2024.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thái T4 07 (bảy) năm tù.

Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thái T4 01 (một) năm tù.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Thái T4 chấp hành là 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/02/2025.

- Hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

2. Về áp dụng các biện pháp tư pháp và xử lý vật chứng: Căn cứ vào Điều 46, Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 xử lý vật chứng hiện đang được tạm giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỏ Cày Bắc theo Quyết định chuyển vật chứng số: 09/QĐ-VKSMCB ngày 13/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân như sau:

Tịch thu tiêu hủy:

- Vỏ bao gói và 01 nỏ thủy tinh có 01 đầu hình tròn được niêm phong trong phong bì ký hiệu N có chữ ký ghi họ tên Chiêm Minh P1, Mai Thành Đ, Trần Thị Bích N, Nguyễn Thị D và hình dấu tròn màu đỏ của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện M.

- 01 chai nhựa có quấn băng keo màu đen, nắp chai có gắn ống hút nhựa màu xanh tím.

- 01 hột quẹt màu đỏ và 01 hột quẹt màu trắng có gắn 01 đầu kim loại màu trắng.

- 03 nỏ thủy tinh màu trắng.

- 01 cây kéo kim loại, cán nhựa màu đỏ.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước: 01 điện thoại di động, hiệu SAMSUNG, màu xanh, số IMEI 1: 356446086328114, số IMEI 2: 356447086328112, gắn số sim: 0968794071.

Lưu vào hồ sơ vụ án: 01 đĩa DVD lưu trữ 03 video ghi hình tại thời điểm Công an thị trấn P, huyện M kiểm tra phòng trọ số 02 thuộc nhà trọ H2.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí của Tòa án buộc mỗi bị cáo chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm các bị cáo, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm. Đối với người vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tự ngày được tống đạ hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Mỏ Cày Bắc;
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Mỏ cày Bắc;
- Bộ phận HSNV Công an tỉnh Bến Tre;
- Cơ quan THAHS Công an tỉnh Bến Tre;
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Cao Thanh Minh